

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Văn Hùng; 2. Ông Lê Thanh Nghị;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1981; Xin vắng mặt.

Địa chỉ: **Ấp C, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.**

- *Bị đơn:* Chị **Lương Thị Kim C**, sinh ngày 11/12/1988; Vắng mặt

Địa chỉ: **Ấp C, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh **Huỳnh Văn H** trình bày:

Anh **H** và chị **C** qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G (N là thành phố G), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 174 ngày 11/12/2019. Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay tình cảm không còn nên anh **H** yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh **H** và chị **C** có 01 con chung tên **Huỳnh Nghĩa L**, sinh ngày 25/9/2019 hiện đang sống chung với chị **C**. Khi ly hôn anh **H** để cháu **L** cho chị **C** nuôi, anh **H** không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị **C** mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị C nhưng do chị C vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt chị C và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của anh H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Lương Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: anh H và chị C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G (N là thành phố G), tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Phía chị C đã được triệu tập họp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng chị C vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy chị C không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh H và chị C đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh H và chị C có 01 con chung tên Huỳnh Nghĩa L, sinh ngày 25/9/2019 hiện đang sống chung với chị C. Khi ly hôn anh H để cháu L cho chị C nuôi, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc cháu L từ nhỏ đã được chị C chăm sóc, cần được sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của mẹ, để ổn định về sức khỏe và tinh thần cho cháu L. Hơn nữa, chính quyền địa phương xác định chị C có đủ điều kiện về kinh tế và chăm sóc con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao chị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Do chị C không đến Tòa án, không yêu cầu giải quyết về tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu chị C có yêu cầu sẽ được thụ lý và giải quyết thành một vụ án khác.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh Văn H** được ly hôn với chị **Lương Thị Kim C**.

- Về con chung: Giao cho chị **Lương Thị Kim C** được tiếp tục nuôi con chung tên **Huỳnh Nghĩa L**, sinh ngày 25/9/2019; Anh **H** không cấp dưỡng nuôi con chung, do chị **C** không có yêu cầu;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Anh **Huỳnh Văn H** phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000808 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh **H** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TPGC;
- Chi cục THADS TPGC;
- UBND phường 2, TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ HẰNG

